

MA TRẬN CHI TIẾT
ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT MÔN NGỮ VĂN
NĂM HỌC: 2024-2025

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

***Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ
ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT MÔN NGỮ VĂN
NĂM HỌC: 2024-2025

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Thơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ (số câu, số chữ, vần nhịp...) - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi 	3 TN	5 TN	2TL	

			trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

MÔN: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu

Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu
Khi mặt nước chập chờn con cá nháy
Bàn bè tôi tụm năm tụm bảy
Bầy chim non bơi lội trên sông
Tôi giơ tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngã
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn, gió biển
Vẫn trở về lưu luyến bên sông
Hình ảnh cô em đôi má ửng hồng...

Tôi hôm nay sống trong lòng miền Bắc
Sờ lên ngực nghe trái tim thầm nhắc
Hai tiếng thiêng liêng, hai tiếng “miền Nam”
Tôi nhớ không nguôi ánh sáng màu vàng
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc
Tôi nhớ cả những người không quen biết...
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy
Hình ảnh con sông quê mát rượi
Lai láng chảy, lòng tôi như suối tưới

*Quê hương ơi! lòng tôi cũng như sông
Tỉnh Bắc Nam chung chảy một dòng
Không gành thác nào ngăn cản được
Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước
Tôi sẽ về sông nước của quê hương
Tôi sẽ về sông nước của tình thương.*

(*Nhớ con sông quê hương*, Tế Hanh)

*** Ghi vào tờ giấy thi chỉ một chữ cái trước đáp án đúng nhất (từ câu 1 đến câu 8).
Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm**

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát B. Ngũ ngôn C. Tám chữ D. Tự do

Câu 2. Dòng nào sau đây nêu đúng phương thức biểu đạt chính của bài thơ “*Nhớ con sông quê hương*” (Tế Hanh)?

A. Biểu cảm B. Tự sự C. Thuyết minh D. Nghị luận

Câu 3. Nhận xét về cách gieo vần của tác giả trong bài thơ?

- A. Gieo vần linh hoạt. B. Gieo vần chân - liền.
C. Gieo vần lưng - cách. D. Không gieo vần.

Câu 4. Chỉ ra một trợ từ được tác giả sử dụng trong câu thơ: “*Tôi nhớ cả những người không quen biết...*”?

- A. cả B. những C. không D. quen biết

Câu 5. Dòng nào sau đây nêu đúng nội dung chính của bài thơ?

- A. Tình yêu nồng nàn, tha thiết của tác giả khi nhớ về Miền Nam yêu thương.
B. Những kỉ niệm thân thương với con sông quê, với bạn bè thuở ấu thơ.
C. Nỗi nhớ tha thiết, nồng nàn và sự gắn bó sâu nặng của người con khi xa quê.
D. Vẻ đẹp bình dị của con sông quê và nỗi nhớ da diết của tác giả với quê hương.

Câu 6. Nhận xét về những hình ảnh thơ được tác giả sử dụng trong tác phẩm như: “*con sông xanh biếc*”, “*những hàng tre*”, “*tiếng chim kêu*”, “*mặt nước chập chờn con cá nhảy*”, “*kẻ sớm khuya chài lưới*”, “*kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng*”...?

- A. Hình ảnh gần gũi, mộc mạc, giản dị.
B. Hình ảnh thơ lãng mạn, bay bổng, sáng tạo.
C. Hình ảnh thơ nhỏ bé, thơ mộng, đáng yêu.
D. Hình ảnh thơ lớn lao, kì vĩ, tráng lệ.

Câu 7. Biện pháp tu từ nhân hóa trong hai câu thơ: “*Tôi giờ tay ôm nước vào lòng/ Sông mở nước ôm tôi vào dạ*”, nhằm nhấn mạnh điều gì?

- A. Nhấn mạnh hành động tắm sông của tác giả và bè bạn khi còn bé thơ.
B. Nhấn mạnh sở thích tắm sông của tác giả và bè bạn khi còn bé thơ.
C. Nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó, hòa quyện giữa tác giả và con sông quê hương.
D. Nhấn mạnh dòng sông như một con người, cũng có hành động đáp lại tình cảm của tác giả.

Câu 8. Yếu tố nghệ thuật nào tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ?

- A. Lí lẽ sắc bén, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.
- B. Ngôn ngữ giản dị, cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.
- C. Ngôn ngữ rõ ràng, khách quan, chân thực, khoa học
- D. Lời thơ mộc mạc, giản dị, tự nhiên, gần gũi.

*** Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

Câu 9 (1,0 điểm). Qua bài thơ, em đón nhận được những bài học nào cho bản thân?

Câu 10 (1,0 điểm). Quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người. Bằng trải nghiệm của bản thân, hãy viết một đoạn văn ngắn (*khoảng 5-7 câu*) nêu suy nghĩ về vai trò của quê hương.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống hiện nay mà em quan tâm.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT MÔN NGỮ VĂN
Năm học: 2024-2025

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>* HS nêu được bài học mình đón nhận được sau khi đọc bài thơ. Bài học nhận thức, hành động và thái độ hợp lý, có thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của quê hương trong cuộc đời của mỗi con người. + Yêu quý, trân trọng những gì bình dị, thân thuộc của quê hương. + Cố gắng phấn đấu học tập thật giỏi góp phần xây dựng quê hương, đất nước thêm giàu đẹp. - GV ghi nhận những ý kiến hợp lý của HS. <p>* Lưu ý: 03 ý trở lên cho điểm tối đa; 02 ý cho 0,5 điểm, 01 ý cho 0,25 điểm.</p>	1,0
	10	<p>*HS viết đúng hình thức đoạn văn, đúng chủ đề, đảm bảo số câu quy định (5-7 câu).</p> <p>* HS có thể triển khai theo cách riêng song đoạn văn cần đảm bảo 1 số ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quê hương là nơi ta sinh ra, lớn lên. Bởi vậy đó là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần mỗi con người. + Quê hương còn là mục đích để ta không ngừng vươn lên, phấn đấu để khẳng định tên tuổi nơi mình được sinh ra. + Quê hương như vòng tay êm ấm của mẹ, là nơi ta trở về sau những bộn bề của cuộc sống, tiếp cho ta năng lượng, sức mạnh để tiếp tục phấn đấu. 	1,0

		+ Luôn yêu mến, gắn bó, tự hào, có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương. Nỗ lực phấn đấu học tập, rèn luyện tốt, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp...	
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Viết được bài văn nghị luận vấn đề cần giải quyết trong đời sống hiện nay mà em quan tâm.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống hiện nay mà em quan tâm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: <i>HS có thể triển khai nội dung theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:</i> - Nêu được vấn đề nghị luận mà em quan tâm. - Giải thích được vấn đề nghị luận - Thực trạng của vấn đề hiện nay. - Lí giải nguyên nhân của tình trạng trên - Những hậu quả, ảnh hưởng, tác động của vấn đề - Nêu các biện pháp để xử lí vấn đề	3,0
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc. Lời văn rõ ràng; lập luận chặt chẽ, thuyết phục.	0,25	

Cát Hải, ngày 15 tháng 5 năm 2024

CẤU TRÚC TỔNG THỂ
MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGỮ VĂN 9

A. MA TRẬN

Lớp 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
I	ĐỌC HIỂU	1. Truyện truyền kì, truyện trinh thám.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.- Xác định được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản.- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì và truyện trinh thám. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none">- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.				

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản, - Phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì và truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điệp tích, điệp cổ; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản. 				
	2. Truyện ngắn, truyện lịch sử.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. 				

		<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.- Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.- Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.- Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.- Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.- Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.				
--	--	---	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. 				
		3. Thơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ (số câu, số chữ, vần nhịp...) - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ. 				

			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản 				
		4. Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. - Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết). - Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một 				

		<p>số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản nghị luận.</p> <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. - Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau. - Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận. 				
	5. Văn bản thông tin	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn. - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Nhận biết các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. - Nhận biết tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...). - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. <p>Thông hiểu:</p>				

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. - Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. - Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. 				
II	VIẾT	1. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p>				

			Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.				
		2. Phân tích một tác phẩm văn học.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của tác phẩm.				
Tổng				3 TN	2 TL 1 TN	1 TL	1 TL*
<i>Tỉ lệ %</i>				20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

***Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

B. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ đánh giá
I	ĐỌC HIỂU	1. Truyện truyền kì, truyện trinh thám.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.- Xác định được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản.- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì và truyện trinh thám. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none">- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản,- Phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì và truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.- Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp Vận dụng:

			<ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức nghệ thuật sau khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.
		2. Truyện ngắn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.

			<p>- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.</p> <p>- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.</p>
		3. Thơ	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ (số câu, số chữ, vần nhịp...)</p> <p>- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.</p> <p>- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.</p> <p>- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản
		4. Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. - Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

		<p>- Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản nghị luận.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.</p> <p>- Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.</p>
	5. Văn bản thông tin	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn.</p> <p>- Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...</p> <p>- Nhận biết các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.</p> <p>- Nhận biết tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).</p> <p>- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của</p>

			<p>nhân đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. - Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
II	VIẾT	1. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.</p>
		2. Phân tích một tác phẩm văn học.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p>

			<p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của tác phẩm.</p>
--	--	--	--